BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Số: /TKB -TĐHHN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2020 - 2021

Áp dụng cho sinh viên đại học chính quy khóa 10 và sinh viên học song bằng, sinh viên học lại, học cải thiện điểm cùng TKB chính khóa

1. Quy định về thời gian giảng dạy

*Sáng:
- Tiết 1: 07h00 - 07h50
- Tiết 2: 07h55 - 08h45
- Tiết 3: 08h50 - 09h40
- Tiết 4: 09h50 - 10h40
- Tiết 5: 10h45 - 11h35

*Chiều:
- Tiết 6: 12h30 - 13h20
- Tiết 7: 13h25 - 14h15
- Tiết 8: 14h20 - 15h10
- Tiết 9: 15h20 - 16h10
- Tiết 10: 16h15 - 17h05

2. Quy định về chữ viết tắt

- LT: Lý thuyết
- TH: Thực hành
- TT: Thực tập
- ĐA: Đồ án
- PH: Phân hiệu
- CS1: Cơ sở 1

3. Thời khóa biểu

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
1	ĐH10KE1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
2	ĐH10KE1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	23/11 - 24/01/2021	Đỗ Minh Anh	1,2,3,4,5	A.206													
3	ĐH10KE1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Bùi Thị Thu Hường			4,5	C.304.	4,5	A.206									
4	ĐH10KE1	Quản trị học	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng					1,2,3	A.206									
5	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9	A.206											
6	ĐH10KE1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Mai Quyên			6,7,8,9,10	A.206											
7	ĐH10KE1	Toán cao cấp	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Trương Thị Hường							4,5	A.206	1,2,3	A.206					
8	ĐH10KE1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Dung							1,2,3	A.206	4,5	A.206					
9	ĐH10KE1	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206					
10	ĐH10KE1	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
11	ĐH10KE1	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Tiến Thị Mai							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206					
12	ĐH10KE1	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
13	ĐH10KE2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
14	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					7,8,9,10	A.206									
15	ĐH10KE2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2020	Vũ Thị Thanh Thủy					6,7,8,9,10	A.206									
16	ĐH10KE2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	23/11 - 31/01/2020	Vũ Thị Thùy Dung	6,7,8	A.206													
17	ĐH10KE2	Quản trị học	2	LT	30	8	23/11 - 17/01/2020	Hà Quỳnh Mai	9,10	A.206			4,5	C.102									
18	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/20211	Đinh Thị Hoài Ly			2,3,4,5	A.206											
19	ĐH10KE2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly			1,2,3,4,5	A.206											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
20	ĐH10KE2	Toán cao cấp	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/20211	Đoàn Thị Thanh Huyền							6,7,8	A.206	9,10	A.206					
21	ĐH10KE2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/20211	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh							9,10	A.206	6,7,8	A.206					
22	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.208					
23	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208									
24	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Đặng Quang Thụ							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.208					
25	ĐH10KE2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
26	ĐH10KE3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
27	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			2,3,4,5	A.208											
28	ĐH10KE3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			1,2,3,4,5	A.208											
29	ĐH10KE3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							1,2,3	A.208							
30	ĐH10KE3	Quản trị học	2	LT	30	8	19/11 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	9,10	C.402					4,5	A.208							
31	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà					6,7,8,9	A.208									
32	ĐH10KE3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Thị Hà					6,7,8,9,10	A.208									
33	ĐH10KE3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Lê Thị Hương	4,5	A.208							1,2,3	A.208					
34	ĐH10KE3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	1,2,3	A.208							4,5	A.208					
35	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210					
36	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210									
37	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Phạm Đình Tâm							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210					
38	ĐH10KE3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
39	ĐH10KE4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	03/11 - 12/11/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
40	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			7,8,9,10	A.208											
41	ĐH10KE4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga			6,7,8,9,10	A.208											
42	ĐH10KE4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							6,7,8	A.208							
43	ĐH10KE4	Quản trị học	2	LT	30	10	19/11 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng	4,5	A.505					9,10	A.208							
44	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4	A.208									
45	ĐH10KE4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Mai Quyên					1,2,3,4,5	A.208									
46	ĐH10KE4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	9,10	A.208							6,7,8	A.208					
47	ĐH10KE4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	20/11 - 24/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc	6,7,8	A.208							9,10	A.208					
48	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	19/10 - 23/10/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301					
49	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	26/10 - 28/10/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301									
50	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	29/10 - 30/10/2020	Vũ Quang Hay							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
51	ĐH10KE4	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	03/11 - 14/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
52	ĐH10KE5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	20/10 - 29/10/2020	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
53	ĐH10KE5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									1,2,3,4,5	A.210					
54	ĐH10KE5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					1,2,3	A.210									
55	ĐH10KE5	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					4,5	A.210			9,10	A.605					
56	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà							6,7,8,9	A.210							
57	ĐH10KE5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Thị Hà							6,7,8,9,10	A.210							
58	ĐH10KE5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Mai Ngọc Diệu	2,3,4,5	A.210													
59	ĐH10KE5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Mai Ngọc Diệu	1,2,3,4,5	A.210													
60	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			2,3,4,5	A.210											
61	ĐH10KE5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Gia Thọ			1,2,3,4,5	A.210											
62	ĐH10KE5	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.602			
63	ĐH10KE5	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206									
64	ĐH10KE5	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	12/11 - 13/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.206	1,2,3,4,5	A.206					
65	ĐH10KE5	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
66	ĐH10KE6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	20/10 - 29/10/2020	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
67	ĐH10KE6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga									6,7,8,9,10	A.210					
68	ĐH10KE6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Vũ Thị Thùy Dung					6,7,8	A.210									
69	ĐH10KE6	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Phạm Thị Phượng					9,10	A.210			4,5	M.303					
70	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly							1,2,3,4	A.210							
71	ĐH10KE6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly							1,2,3,4,5	A.210							
72	ĐH10KE6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền	6,7,8,9	A.210													
73	ĐH10KE6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Huyền	6,7,8,9,10	A.210													
74	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh			6,7,8,9	A.210											
75	ĐH10KE6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh			6,7,8,9,10	A.210											
76	ĐH10KE6	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.603			
77	ĐH10KE6	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208									
78	ĐH10KE6	Giáo dục quốc phòng 3	1	LT	15	2	12/11 - 13/11/2020	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.208	1,2,3,4,5	A.208					
79	ĐH10KE6	Giáo dục quốc phòng 3	2	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
80	ĐH10KE7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	20/10 - 29/10/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
81	ĐH10KE7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	2,3,4,5	A.301													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
82	ĐH10KE7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	1,2,3,4,5	A.301													
83	ĐH10KE7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Phạm Quang Phương							1,2,3	A.301							
84	ĐH10KE7	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Hoàng			9,10	A.203			4,5	A.301							
85	ĐH10KE7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Ngô Thị Hà									6,7,8,9,10	A.301					
86	ĐH10KE7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Trương Thị Hường			2,3,4,5	A.301											
87	ĐH10KE7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Trương Thị Hường			1,2,3,4,5	A.301											
88	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đỗ Thị Dinh					2,3,4,5	A.301									
89	ĐH10KE7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/11 - 31/01/2021	Đỗ Thị Dinh					1,2,3,4,5	A.301									
90	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Tiến Thị Mai			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.604			
91	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Tiến Thị Mai	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210									
92	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	12/11 - 13/11/2020	Tiến Thị Mai							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.210	1,2,3,4,5	A.210					
93	ĐH10KE7	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Nguyễn Thanh Sơn	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH			
94	ĐH10KE8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	20/10 - 29/10/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
95	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	7,8,9,10	A.301													
96	ĐH10KE8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung	6,7,8,9,10	A.301													
97	ĐH10KE8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	16/11 - 24/01/2021	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							6,7,8	A.301							
98	ĐH10KE8	Quản trị học	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Hoàng			4,5	A.203			9,10	A.301							
99	ĐH10KE8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	16/11 - 24/01/2021	Trần Xuân Hào									1,2,3,4,5	A.301					
100	ĐH10KE8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9	A.301											
101	ĐH10KE8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Thị Ngoan			6,7,8,9,10	A.301											
102	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9	A.301									
103	ĐH10KE8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải					6,7,8,9,10	A.301									
104	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	03/11 - 07/11/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.605			
105	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	9/11 - 11/11/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301									
106	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	12/11 - 13/11/2020	Đặng Quang Thụ							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.301	1,2,3,4,5	A.301					
107	ĐH10KE8	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	20/10 - 31/10/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
108	ĐH10KE9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	01/12 - 10/12/2020	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
109	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.302											
110	ĐH10KE9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			1,2,3,4,5	A.302											
111	ĐH10KE9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Tám									1,2,3	A.302					
112	ĐH10KE9	Quản trị học	2	LT	30	8	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 10/01/2021	Lê Hoàng					9,10	C.304			4,5	A.302					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
113	ĐH10KE9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 21/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thùy Linh	1,2,3,4,5	A.302													
114	ĐH10KE9	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trương Thị Hường					2,3,4,5	A.302									
115	ĐH10KE9	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trương Thị Hường					1,2,3,4,5	A.302									
116	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh							2,3,4,5	A.302							
117	ĐH10KE9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Tuấn Anh							1,2,3,4,5	A.302							
118	ĐH10KE9	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	16/11 - 20/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302					
119	ĐH10KE9	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	23/11 - 25/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
120	ĐH10KE9	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	26/11 - 27/11/2020	Nguyễn Thanh Sơn							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302					
121	ĐH10KE9	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	01/12 - 12/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
122	ĐH10KE10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	LT	30	2	01/12 - 10/12/2020	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
123	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			7,8,9,10	A.302											
124	ĐH10KE10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			6,7,8,9,10	A.302											
125	ĐH10KE10	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Bích									6,7,8	A.302					
126	ĐH10KE10	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Lê Hoàng									9,10	A.302					
127	ĐH10KE10	Quản trị học	2	LT	30	1	25/01 - 31/01/2020	Lê Hoàng	6,7,8,9,10	A.302			6,7,8,9,10	A.302									
128	ĐH10KE10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 21/12 - 24/01/2021	Hoàng Trường Giang Tống Hưng Tâm	6,7,8	A.302			9,10	A.302									
129	ĐH10KE10	Toán cao cấp	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 21/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	9,10	A.302			6,7,8	A.302									
130	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9	A.302							
131	ĐH10KE10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Quang Hải							6,7,8,9,10	A.302							
132	ĐH10KE10	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	16/11 - 20/11/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.305					
133	ĐH10KE10	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	23/11 - 25/11/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
134	ĐH10KE10	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	26/11 - 27/11/2020	Lê Đức Thiện							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.305					
135	ĐH10KE10	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	01/12 - 12/12/2020	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
136	ĐH10KTTN+SH+TĐ+K+TNN+KĐ+QB	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị	8,9,10	CS1													
137	ĐH10KTTN+SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung			2,3,4,5	A.510											
138	ĐH10KTTN+SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung			1,2,3,4,5	A.510											
139	ĐH10KTTN+SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Triệu Thùy Hương					1,2,3,4	C.311									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
140	ĐH10KTTN+SH+TĐ+BK+K+TNN+KĐ+QB	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Triệu Thùy Hương					1,2,3,4,5	C.311									
141	ĐH10KTTN	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Tám									1,2,3	A.302					Ghép ĐH10KE9
142	ĐH10KTTN	Toán cao cấp	3	LT	45	10	16/11 - 24/01/2021	Mai Ngọc Diệu	2,3,4,5	A.210													Ghép ĐH10KE5
143	ĐH10KTTN	Toán cao cấp	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Mai Ngọc Diệu	1,2,3,4,5	A.210													
144	ĐH10KTTN	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh							2,3,4,5	A.302							Ghép ĐH10KE9
145	ĐH10KTTN	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Tuấn Anh							1,2,3,4,5	A.302							
146	ĐH10KTTN	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Hoàng					9,10	C.304			4,5	A.302					Ghép ĐH10KE9
147	ĐH10QTKD1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	01/12 - 10/12/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
148	ĐH10QTKD1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 21/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy	6,7,8,9,10	A.305													
149	ĐH10QTKD1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lan			6,7,8	A.305											
150	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9	A.305									
151	ĐH10QTKD1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					6,7,8,9,10	A.305									
152	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			1,2,3	A.701											
153	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			4,5	A.701											
154	ĐH10QTKD1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			2,3,4,5	A.701											
155	ĐH10QTKD1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Thị Bích Lan							6,7,8	A.305	9,10	A.305					
156	ĐH10QTKD1	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Hà Quỳnh Mai							9,10	A.305	6,7,8	A.305					
157	ĐH10QTKD1	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	16/11 - 20/11/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.306					
158	ĐH10QTKD1	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	23/11 - 25/11/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306									
159	ĐH10QTKD1	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	26/11 - 27/11/2020	Vũ Quang Hay							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.306					
160	ĐH10QTKD1	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	01/12 - 12/12/2020	Phạm Đình Tâm	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
161	ĐH10QTKD2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
162	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.305									
163	ĐH10QTKD2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy					1,2,3,4,5	A.305									
164	ĐH10QTKD2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 21/12 - 31/01/2021	Ngô Thị Mến Thương	1,2,3	A.305													
165	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Phú Cường			2,3,4,5	A.305											
166	ĐH10QTKD2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Phú Cường			1,2,3,4,5	A.305											
167	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8	A.701											
168	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			9,10	A.701											
169	ĐH10QTKD2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Thanh Thủy			6,7,8,9	A.701											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
170	ĐH10QTKD2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Thu Hằng							1,2,3	A.305	4,5	A.305					
171	ĐH10QTKD2	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Phạm Thị Phượng							4,5	A.305	1,2,3	A.305					
172	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	2	01/12 - 05/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.602			
173	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	2	07/12 - 9/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308									
174	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	2	10/12 - 11/12/2020	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.308					
175	ĐH10QTKD2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
176	ĐH10QTKD3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
177	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy					7,8,9,10	A.306									
178	ĐH10QTKD3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy					6,7,8,9,10	A.306									
179	ĐH10QTKD3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											
180	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9	A.306							
181	ĐH10QTKD3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Trần Thị Thùy Linh							6,7,8,9,10	A.306							
182	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thu Hà			1,2,3	A.702											
183	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thu Hà			4,5	A.702											
184	ĐH10QTKD3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thu Hà			2,3,4,5	A.702											
185	ĐH10QTKD3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Đình Trình	9,10	A.306							6,7,8	A.306					
186	ĐH10QTKD3	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	6,7,8	A.306							9,10	A.306					
187	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Lê Đức Thiện			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.603			
188	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306									
189	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Lê Đức Thiện							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.306	1,2,3,4,5	A.306					
190	ĐH10QTKD3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
191	ĐH10QTKD4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
192	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Khuất Thị Nga							2,3,4,5	A.306							
193	ĐH10QTKD4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Khuất Thị Nga							1,2,3,4,5	A.306							
194	ĐH10QTKD4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lệ Hằng			1,2,3	A.306											
195	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4	A.306									
196	ĐH10QTKD4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Bùi Thị Oanh					1,2,3,4,5	A.306									
197	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Vũ Ngọc Phan							6,7,8	A.701							
198	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Vũ Ngọc Phan							9,10	A.701							
199	ĐH10QTKD4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Ngọc Phan							6,7,8,9	A.701							
200	ĐH10QTKD4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Đình Trình	4,5	A.306							1,2,3	A.306					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
201	ĐH10QTKD4	Quản trị học	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân	1,2,3	A.306							4,5	A.306					
202	ĐH10QTKD4	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.604			
203	ĐH10QTKD4	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308									
204	ĐH10QTKD4	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Đặng Quang Thụ							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.308	1,2,3,4,5	A.308					
205	ĐH10QTKD4	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Lê Đình Nam	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
206	ĐH10QTKD5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	17/11 - 26/11/2020	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
207	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							7,8,9,10	A.308							
208	ĐH10QTKD5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							6,7,8,9,10	A.308							
209	ĐH10QTKD5	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Phạm Ánh Tuyết			4,5	A.306					4,5	A.502					
210	ĐH10QTKD5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương	9,10	A.308							6,7,8	A.308					
211	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							1,2,3	A.702							
212	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							4,5	A.702							
213	ĐH10QTKD5+ ĐH8T	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							2,3,4,5	A.702							
214	ĐH10QTKD5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Đình Trình	6,7,8	A.308							9,10	A.308					
215	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9	A.308											
216	ĐH10QTKD5	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Hà Quỳnh Mai			6,7,8,9,10	A.308											
217	ĐH10QTKD5	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Vũ Quang Hay			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.605			
218	ĐH10QTKD5	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305									
219	ĐH10QTKD5	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Vũ Quang Hay							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.305	1,2,3,4,5	A.305					
220	ĐH10QTKD5	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
221	ĐH10QTKD6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	29/12 - 8/01/2021	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
222	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							2,3,4,5	A.308							
223	ĐH10QTKD6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							1,2,3,4,5	A.308							
224	ĐH10QTKD6	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 10/01/2021	Trần Quốc Việt	9,10	A.303	9,10	A.305											
225	ĐH10QTKD6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Hoàng Trường Giang	4,5	A.308							1,2,3	A.308					
226	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8	A.702							
227	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							9,10	A.702							
228	ĐH10QTKD6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Hương							6,7,8,9	A.702							
229	ĐH10QTKD6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Tống Thị Thu Hòa	1,2,3	A.308							4,5	A.308					
230	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Phạm Văn Hoàng			2,3,4,5	A.308											
231	ĐH10QTKD6	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Phạm Văn Hoàng			1,2,3,4,5	A.308											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
232	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	01/12 - 05/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.606			
233	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	07/12 - 9/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302									
234	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	10/12 - 11/12/2020	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.302	1,2,3,4,5	A.302					
235	ĐH10QTKD6	Giáo dục quốc phòng 3	2	TH	60	2	17/11 - 28/11/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
236	ĐH10QTKD7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
237	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy			2,3,4,5	A.310											
238	ĐH10QTKD7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy			1,2,3,4,5	A.310											
239	ĐH10QTKD7	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Đỗ Thị Bính	1,2,3	A.310													
240	ĐH10QTKD7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng	4,5	A.310					1,2,3	A.310							
241	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan									6,7,8	A.701					
242	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan									9,10	A.701					
243	ĐH10QTKD7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Hồng Loan									6,7,8,9	A.701					
244	ĐH10QTKD7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Trần Tuấn Anh					1,2,3	A.310			4,5	A.310					
245	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết					4,5	A.310	4,5	A.310							
246	ĐH10QTKD7	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Ánh Tuyết					1,2,3,4,5	A.310									
247	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5	A.601					
248	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	0401 - 06/01/2021	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601									
249	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	07/01 - 8/01/2021	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5	A.601					
250	ĐH10QTKD7	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	15/12 - 26/12/2021	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
251	ĐH10QTKD8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
252	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Quang Duy			7,8,9,10	A.310											
253	ĐH10QTKD8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Ngô Quang Duy			6,7,8,9,10	A.310											
254	ĐH10QTKD8	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													
255	ĐH10QTKD8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Hoàng Trường Giang Tống Hưng Tâm	9,10	A.310					6,7,8	A.310							
256	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							1,2,3	A.708							
257	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 03/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							4,5	A.708							
258	ĐH10QTKD8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Thị Thu Nga							2,3,4,5	A.708							
259	ĐH10QTKD8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	9	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Dung					6,7,8	A.310			9,10	A.310					
260	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					9,10	A.310	9,10	A.310							
261	ĐH10QTKD8	Quản trị học	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Bùi Thị Thu Nguyễn Thanh Vân					6,7,8,9,10	A.310									
262	ĐH10QTKD8	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
263	ĐH10QTKD8	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	0401 - 06/01/2021	Lê Đức Thiện	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602									
264	ĐH10QTKD8	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	07/01 - 8/01/2021	Lê Đức Thiện							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602					
265	ĐH10QTKD8	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	15/12 - 26/12/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
266	ĐH10QTKD9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà															
267	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng	7,8,9,10	C.302													
268	ĐH10QTKD9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng	6,7,8,9,10	C.302													
269	ĐH10QTKD9	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	4,5	A.110					4,5	C.311							
270	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9	C.302											
271	ĐH10QTKD9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh			6,7,8,9,10	C.302											
272	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					1,2,3	A.701									
273	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					4,5	A.701									
274	ĐH10QTKD9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					2,3,4,5	A.701									
275	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng					6,7,8,9	C.302									
276	ĐH10QTKD9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng					6,7,8,9,10	C.302									
277	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9	C.302							
278	ĐH10QTKD9	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Phượng							6,7,8,9,10	C.302							
279	ĐH10QTKD10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy															
280	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng	2,3,4,5	C.302													
281	ĐH10QTKD10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng	1,2,3,4,5	C.302													
282	ĐH10QTKD10	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Phạm Ánh Tuyết	9,10	A.608					9,10	A.110							
283	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh			1,2,3,4	C.302											
284	ĐH10QTKD10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh			1,2,3,4,5	C.302											
285	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8	A.701									
286	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					9,10	A.701									
287	ĐH10QTKD10	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy					6,7,8,9	A.701									
288	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Vân Dung					2,3,4,5	C.302									
289	ĐH10QTKD10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Vân Dung					1,2,3,4,5	C.302									
290	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai							2,3,4,5	C.302							
291	ĐH10QTKD10	Quản trị học	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hà Quỳnh Mai							1,2,3,4,5	C.302							
292	ĐH10M1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	29/12 - 8/01/2021	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
293	ĐH10M1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 13/12/2020 18/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	1,2,3,4,5	A.502													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
294	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Triệu Thùy Hương					6,7,8,9	A.503									
295	ĐH10M1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Triệu Thùy Hương					6,7,8,9,10	A.503									
296	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Minh			4,5	A.503	4,5	A.308									
297	ĐH10M1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Minh			1,2,3,4,5	A.503											
298	ĐH10M1	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thu Huyền							1,2,3	C.311							
299	ĐH10M1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Bùi Thị Thu Hường			1,2,3	A.503											
300	ĐH10M1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Trần Thị Hường					1,2,3	A.308									
301	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đặng Trần Chiến									2,3,4,5	A.501					
302	ĐH10M1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Trần Chiến									1,2,3,4,5	A.501					
303	ĐH10M1	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	14/12 - 18/12/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5	A.106					
304	ĐH10M1	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	21/12 - 23/12/2020	Vũ Quang Hay	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106									
305	ĐH10M1	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	24/12 - 25/12/2020	Vũ Quang Hay							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5	A.106					
306	ĐH10M1	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	29/12 - 10/01/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
307	ĐH10M2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Căn	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
308	ĐH10M2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	9	19/10 - 13/12/2020 18/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Luyến Hoàng Thu Nga	6,7,8,9,10	A.501													
309	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung									2,3,4,5	C.302					
310	ĐH10M2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung									1,2,3,4,5	C.302					
311	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền			9,10	A.502	9,10	A.308									
312	ĐH10M2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền			6,7,8,9,10	A.502											
313	ĐH10M2	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thu Huyền							6,7,8	C.311							
314	ĐH10M2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Tám			6,7,8	A.502											
315	ĐH10M2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									
316	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9	C.302					
317	ĐH10M2	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9,10	C.302					
318	ĐH10M2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	14/12 - 18/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602	
319	ĐH10M2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	21/12 - 23/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310									
320	ĐH10M2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	24/12 - 25/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5	A.310					
321	ĐH10M2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	29/12 - 10/01/2021	Phạm Đình Tâm	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
322	ĐH10M3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Trường	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH	7,8,9,10	PH					
323	ĐH10M3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.503							
324	ĐH10M3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy							1,2,3,4,5	A.503							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
325	ĐH10M3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	9	19/10 - 13/12/2020 18/01 - 24/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	1,2,3,4,5	C.309													
326	ĐH10M3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Huyền					4,5	A.501			9,10	C.104.					
327	ĐH10M3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Huyền					1,2,3,4,5	A.501									
328	ĐH10M3	Nhập môn công tác kỹ sư	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thu Huyền			1,2,3	C.104											
329	ĐH10M3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Phạm Ngọc Thúy					1,2,3	A.501									
330	ĐH10M3	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Bùi Thị Nha Trang									1,2,3	C.301					
331	ĐH10M3	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải			4,5	C.104					4,5	C.301					
332	ĐH10M3	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải	1,2,3,4,5	C.309													
333	ĐH10M3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	14/12 - 18/12/2020	Lê Đình Nam			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.603	1,2,3,4,5	A.603	
334	ĐH10M3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	21/12 - 23/12/2020	Lê Đình Nam	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601									
335	ĐH10M3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	24/12 - 25/12/2020	Lê Đình Nam							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.601	1,2,3,4,5	A.601					
336	ĐH10M3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	29/12 - 10/01/2021	Trần Thanh Hanh	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	1,2,3,4,5	PH	
337	ĐH10QM1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
338	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									7,8,9,10	A.106					
339	ĐH10QM1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									6,7,8,9,10	A.106					
340	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9	A.106									
341	ĐH10QM1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Tống Hưng Tâm					6,7,8,9,10	A.106									
342	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Văn Minh	9,10	A.106	9,10	A.106											
343	ĐH10QM1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Văn Minh			6,7,8,9,10	A.106											
344	ĐH10QM1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							
345	ĐH10QM1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Lê Thị Thúy Hằng	6,7,8	A.106													
346	ĐH10QM1	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Hoàng Thị Huê			6,7,8	A.106											
347	ĐH10QM1	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	14/12 - 18/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602					
348	ĐH10QM1	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	21/12 - 23/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602									
349	ĐH10QM1	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	24/12 - 25/12/2020	Nguyễn Thanh Sơn							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.602	1,2,3,4,5	A.602					
350	ĐH10QM1	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	29/12 - 10/01/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
351	ĐH10QM2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	2	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Trường	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
352	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.106					
353	ĐH10QM2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									1,2,3,4,5	A.106					
354	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Cao Mai Hạnh					2,3,4,5	A.106									
355	ĐH10QM2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Cao Mai Hạnh					1,2,3,4,5	A.106									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
356	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	4,5	A.106	4,5	A.106											
357	ĐH10QM2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền	1,2,3,4,5	A.106													
358	ĐH10QM2	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Mai Hương Lam							1,2,3	A.106							
359	ĐH10QM2	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà	1,2,3	A.106													
360	ĐH10QM2	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Hoàng Ngọc Khắc			1,2,3	A.106											
361	ĐH10QM2	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Đặng Quang Thụ			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106			1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.604	1,2,3,4,5	A.604	
362	ĐH10QM2	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	0401 - 06/01/2021	Đặng Quang Thụ	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	**A.106**	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.106									
363	ĐH10QM2	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	07/01 - 8/01/2021	Đặng Quang Thụ							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	**A.106**	1,2,3,4,5	**A.106**					
364	ĐH10QM2	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	15/12 - 26/12/2021	Trần Thanh Hanh	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
365	ĐH10QM3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	15/12 - 24/12/2021	Nguyễn Văn Căn	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH	1,2,3,4	PH					
366	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									7,8,9,10	A.108					
367	ĐH10QM3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy									6,7,8,9,10	A.108					
368	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng					2,3,4,5	A.105									
369	ĐH10QM3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng					1,2,3,4,5	A.105									
370	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 12/01 - 31/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	9,10	A.508	9,10	A.510											
371	ĐH10QM3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8,9,10	A.510											
372	ĐH10QM3	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Bích Ngọc							6,7,8	A.110							
373	ĐH10QM3	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 18/01 - 31/01/2021	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6,7,8	A.508													
374	ĐH10QM3	Kỹ năng trong Quản lý Tài nguyên và môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Hoài Thương			6,7,8	A.510											
375	ĐH10QM3	Giáo dục quốc phòng 1	3	LT	45	1	29/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5	A.310					
376	ĐH10QM3	Giáo dục quốc phòng 2	2	LT	30	1	0401 - 06/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310									
377	ĐH10QM3	Giáo dục quốc phòng 3	3	LT	15	1	07/01 - 8/01/2021	Nguyễn Thanh Sơn							1,2,3,4,5 6,7,8,9,10	A.310	1,2,3,4,5	A.310					
378	ĐH10QM3	Giáo dục quốc phòng 3	3	TH	60	2	15/12 - 26/12/2021	Lê Đức Thiện	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	6,7,8,9,10	PH	
379	ĐH10BĐS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà							8,9,10	CS1							
380	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thuỷ			2,3,4,5	A.303											
381	ĐH10BĐS1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thuỷ			1,2,3,4,5	A.303											
382	ĐH10BĐS1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy	1,2,3	A.303													
383	ĐH10BĐS1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức									1,2,3	A.303					
384	ĐH10BĐS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Lê Minh Hằng					4,5	A.303			4,5	A.303					
385	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh							2,3,4,5	A.303							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
386	ĐH10BĐS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/10 - 03/01/2021	Nguyễn Anh							1,2,3,4,5	A.303							
387	ĐH10BĐS1	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa					1,2,3	A.303									
388	ĐH10BĐS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn							1,2,3	CS1							
389	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thuỷ			7,8,9,10	A.303											
390	ĐH10BĐS2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Vũ Thị Thanh Thuỷ			6,7,8,9,10	A.303											
391	ĐH10BĐS2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	6,7,8	A.303													
392	ĐH10BĐS2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn									6,7,8	A.303					
393	ĐH10BĐS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào					9,10	A.303			9,10	A.303					
394	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9	A.303							
395	ĐH10BĐS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng							6,7,8,9,10	A.303							
396	ĐH10BĐS2	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc					6,7,8	A.303									
397	ĐH10BĐS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm									8,9,10	CS1					
398	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng			2,3,4,5	A.304											
399	ĐH10BĐS3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng			1,2,3,4,5	A.304											
400	ĐH10BĐS3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy							1,2,3	A.304							
401	ĐH10BĐS3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đinh Thị Thanh Huyền							4,5	A.304	4,5	A.304					
402	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	2,3,4,5	A.304													
403	ĐH10BĐS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	1,2,3,4,5	A.304													
404	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					2,3,4,5	A.304									
405	ĐH10BĐS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đoàn Thị Thanh Huyền					1,2,3,4,5	A.304									
406	ĐH10BĐS3	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									1,2,3	A.304					
407	ĐH10BĐS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							8,9,10	CS1							
408	ĐH10BĐS4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng			7,8,9,10	A.304											
409	ĐH10BĐS4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng			6,7,8,9,10	A.304											
410	ĐH10BĐS4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám							6,7,8	A.304							
411	ĐH10BĐS4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Đào Đình Đức							9,10	A.304	9,10	A.304					
412	ĐH10BĐS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 10/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9	A.304													
413	ĐH10BĐS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	19/10 - 10/01/2021	Lưu Thị Bích Phượng	6,7,8,9,10	A.304													
414	ĐH10BĐS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn					6,7,8,9	A.304									
415	ĐH10BĐS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn					6,7,8,9,10	A.304									
416	ĐH10BĐS4	Kinh tế vi mô	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Thị Dinh									6,7,8	A.304					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
417	ĐH10QTKS1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy	8,9,10	CS1													
418	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy	2,3,4,5	A.108													
419	ĐH10QTKS1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	1,2,3,4,5	A.108													
420	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung			2,3,4,5	A.108											
421	ĐH10QTKS1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung			1,2,3,4,5	A.108											
422	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Diệu					2,3,4,5	A.108									
423	ĐH10QTKS1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Ngọc Diệu					1,2,3,4,5	A.108									
424	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									1,2,3	A.701					
425	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									4,5	A.701					
426	ĐH10QTKS1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.701					
427	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa							2,3,4,5	A.108							
428	ĐH10QTKS1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa							1,2,3,4,5	A.108							
429	ĐH10QTKS2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy	1,2,3	CS1													
430	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thanh Thủy	7,8,9,10	A.108													
431	ĐH10QTKS2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Vũ Thị Thanh Thủy	6,7,8,9,10	A.108													
432	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9	A.108											
433	ĐH10QTKS2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế			6,7,8,9,10	A.108											
434	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9	A.108									
435	ĐH10QTKS2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng					6,7,8,9,10	A.108									
436	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8	A.702					
437	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									9,10	A.702					
438	ĐH10QTKS2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									6,7,8,9	A.702					
439	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9	A.108							
440	ĐH10QTKS2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc							6,7,8,9,10	A.108							
441	ĐH10QTKS3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			1,2,3	CS1											
442	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh	7,8,9,10	C.308													
443	ĐH10QTKS3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh	6,7,8,9,10	C.308													
444	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9	C.102							
445	ĐH10QTKS3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế							6,7,8,9,10	C.102							
446	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9	C.104											
447	ĐH10QTKS3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang			6,7,8,9,10	C.104											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
448	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							1,2,3	A.710							
449	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							4,5	A.710							
450	ĐH10QTKS3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.710							
451	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải									6,7,8,9	C.301					
452	ĐH10QTKS3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải									6,7,8,9,10	C.301					
453	ĐH10QTKS4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy			8,9,10	CS1											
454	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							2,3,4,5	C.102							
455	ĐH10QTKS4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							1,2,3,4,5	C.102							
456	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh									2,3,4,5	A.108					
457	ĐH10QTKS4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh									1,2,3,4,5	A.108					
458	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan	2,3,4,5	C.308													
459	ĐH10QTKS4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan	1,2,3,4,5	C.308													
460	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8	A.804					
461	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									9,10	A.804					
462	ĐH10QTKS4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									6,7,8,9	A.804					
463	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan			2,3,4,5	C.309											
464	ĐH10QTKS4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Bích Lan			1,2,3,4,5	C.309											
465	ĐH10QTKS5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							1,2,3	CS1							
466	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng					7,8,9,10	A.501									
467	ĐH10QTKS5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng					6,7,8,9,10	A.501									
468	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh			6,7,8,9	C.311											
469	ĐH10QTKS5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh			6,7,8,9,10	C.311											
470	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương	6,7,8,9	C.309													
471	ĐH10QTKS5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương	6,7,8,9,10	C.309													
472	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									1,2,3	A.708					
473	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà									4,5	A.708					
474	ĐH10QTKS5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà									2,3,4,5	A.708					
475	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9	A.502					
476	ĐH10QTKS5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thị Hoàng Yến									6,7,8,9,10	A.502					
477	ĐH10SH1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.510							Ghép ĐH10QTDL4
478	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh															

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
479	ĐH10SH1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh															
480	ĐH10SH1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									Ghép ĐH10M2
481	ĐH10SH1	Nhập môn Sinh học ứng dụng	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Ngọc Khắc									1,2,3	A.502					
482	ĐH10SH1	Sinh thái học	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Mai Hương Lam							6,7,8	A.106							Ghép ĐH10QM1
483	ĐH10ĐA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							8,9,10	CS1							
484	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy					2,3,4,5	A.203									
485	ĐH10ĐA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy					1,2,3,4,5	A.203									
486	ĐH10ĐA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang - Đỗ Mai Quyên							2,3,4,5	A.203							
487	ĐH10ĐA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang - Đỗ Mai Quyên							1,2,3,4,5	A.203							
488	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.203													
489	ĐH10ĐA1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.203													
490	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu									2,3,4,5	A.203					
491	ĐH10ĐA1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Dương Thị Hoài Thu									1,2,3,4,5	A.203					
492	ĐH10ĐA1	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Ngọc Anh			1,2,3	A.203											
493	ĐH10LA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn									8,9,10	CS1					
494	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			2,3,4,5	A.204											
495	ĐH10LA1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			1,2,3,4,5	A.204											
496	ĐH10LA1	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	4,5	A.204			9,10	A.204									
497	ĐH10LA1	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					1,2,3	A.204									
498	ĐH10LA1	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									1,2,3	A.204					
499	ĐH10LA1	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	1,2,3	A.204													
500	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Triệu Thùy Hương							2,3,4,5	A.204							
501	ĐH10LA1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Triệu Thùy Hương							1,2,3,4,5	A.204							
502	ĐH10LA1	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (TĐ)					4,5	A.204			4,5	A.204					
503	ĐH10LA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Căn									1,2,3	CS1					
504	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga			7,8,9,10	A.204											
505	ĐH10LA2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga			6,7,8,9,10	A.204											
506	ĐH10LA2	Logic học đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Nguyệt	9,10	A.204			4,5	C.304									
507	ĐH10LA2	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hương					6,7,8	A.204									
508	ĐH10LA2	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê									6,7,8	A.204					
509	ĐH10LA2	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng	6,7,8	A.204													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
510	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9	A.204							
511	ĐH10LA2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Thu Hằng							6,7,8,9,10	A.204							
512	ĐH10LA2	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hồng Minh					9,10	A.508			9,10	A.204					
513	ĐH10LA3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	1,2,3	CS1													
514	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga							7,8,9,10	A.205							
515	ĐH10LA3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga							6,7,8,9,10	A.205							
516	ĐH10LA3	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					6,7,8	A.205									
517	ĐH10LA3	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Đình Đức	6,7,8	A.205													
518	ĐH10LA3	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Đình Tuấn Lê	9,10	A.205							4,5	A.1001					
519	ĐH10LA3	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			6,7,8	A.205											
520	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Minh Hằng									6,7,8,9	A.205					
521	ĐH10LA3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Minh Hằng									6,7,8,9,10	A.205					
522	ĐH10LA3	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thanh			9,10	A.205	9,10	A.205									
523	ĐH10LA4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà	8,9,10	CS1													
524	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy	2,3,4,5	A.205													
525	ĐH10LA4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy	1,2,3,4,5	A.205													
526	ĐH10LA4	Logic học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Tú					1,2,3	A.205									
527	ĐH10LA4	Xã hội học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Lệ Hà							1,2,3	A.205							
528	ĐH10LA4	Tâm lý học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Thị Mạc Dung	9,10	M.201					4,5	A.205							
529	ĐH10LA4	Môi trường và phát triển	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng			1,2,3	A.205											
530	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên									2,3,4,5	A.205					
531	ĐH10LA4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Mai Quyên									1,2,3,4,5	A.205					
532	ĐH10LA4	Kỹ năng mềm	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Thu Trang (KT)			4,5	A.205	4,5	A.205									
533	ĐH10MK1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà	8,9,10	CS1													
534	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					2,3,4,5	C.309									
535	ĐH10MK1	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					1,2,3,4,5	C.309									
536	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung							2,3,4,5	C.309							
537	ĐH10MK1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung							1,2,3,4,5	C.309							
538	ĐH10MK1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa											2,3,4,5	A.501			
539	ĐH10MK1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa											1,2,3,4,5	A.501			
540	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc									2,3,4,5	C.309					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
541	ĐH10MK1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc									1,2,3,4,5	C.309					
542	ĐH10MK2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm			8,9,10	CS1											
543	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung					7,8,9,10	C.309									
544	ĐH10MK2	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung					6,7,8,9,10	C.309									
545	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9	C.309							
546	ĐH10MK2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh							6,7,8,9,10	C.309							
547	ĐH10MK2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư											6,7,8,9	A.501			
548	ĐH10MK2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư											6,7,8,9,10	A.501			
549	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9	C.309					
550	ĐH10MK2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa									6,7,8,9,10	C.309					
551	ĐH10MK3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn							8,9,10	CS1							
552	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh											7,8,9,10	A.502			
553	ĐH10MK3	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh											6,7,8,9,10	A.502			
554	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9	C.311													
555	ĐH10MK3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế	6,7,8,9,10	C.311													
556	ĐH10MK3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9	C.311									
557	ĐH10MK3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang					6,7,8,9,10	C.311									
558	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9	C.311					
559	ĐH10MK3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh									6,7,8,9,10	C.311					
560	ĐH10MK4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Duyên							1,2,3	CS1							
561	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh			2,3,4,5	C.311											
562	ĐH10MK4	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh			1,2,3,4,5	C.311											
563	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường	2,3,4,5	C.311													
564	ĐH10MK4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường	1,2,3,4,5	C.311													
565	ĐH10MK4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang											2,3,4,5	A.502			
566	ĐH10MK4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang											1,2,3,4,5	A.502			
567	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan									2,3,4,5	C.311					
568	ĐH10MK4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan									1,2,3,4,5	C.311					
569	ĐH10MK5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm									1,2,3	CS1					
570	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ											2,3,4,5	A.503			
571	ĐH10MK5	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ											1,2,3,4,5	A.503			

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
572	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			2,3,4,5	A.501											
573	ĐH10MK5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			1,2,3,4,5	A.501											
574	ĐH10MK5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang							2,3,4,5	A.501							
575	ĐH10MK5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang							1,2,3,4,5	A.501							
576	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Bích Lan	2,3,4,5	A.501													
577	ĐH10MK5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Bích Lan	1,2,3,4,5	A.501													
578	ĐH10MK6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tiến	1,2,3	CS1													
579	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							7,8,9,10	A.501							
580	ĐH10MK6	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							6,7,8,9,10	A.501							
581	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường									6,7,8,9	A.501					
582	ĐH10MK6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường									6,7,8,9,10	A.501					
583	ĐH10MK6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến											6,7,8,9	A.503			
584	ĐH10MK6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến											6,7,8,9,10	A.503			
585	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình			6,7,8,9	A.501											
586	ĐH10MK6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Đình Trình			6,7,8,9,10	A.501											
587	ĐH10MK7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng	8,9,10	CS1													
588	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							2,3,4,5	A.502							
589	ĐH10MK7	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							1,2,3,4,5	A.502							
590	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Triệu Thùy Hương											2,3,4,5	A.504			
591	ĐH10MK7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Triệu Thùy Hương											1,2,3,4,5	A.504			
592	ĐH10MK7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương					2,3,4,5	A.502									
593	ĐH10MK7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương					1,2,3,4,5	A.502									
594	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa			2,3,4,5	A.502											
595	ĐH10MK7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Tống Thị Thu Hòa			1,2,3,4,5	A.502											
596	ĐH10MK8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Nghị	1,2,3	CS1													
597	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng											7,8,9,10	A.504			
598	ĐH10MK8	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng											6,7,8,9,10	A.504			
599	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9	A.502							
600	ĐH10MK8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên							6,7,8,9,10	A.502							
601	ĐH10MK8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9	A.502									
602	ĐH10MK8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Văn Minh					6,7,8,9,10	A.502									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
603	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Quang Hải	6,7,8,9	A.502													
604	ĐH10MK8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	6,7,8,9,10	A.502													
605	ĐH10MK9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Như Trang									8,9,10	CS1					
606	ĐH10MK9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng									2,3,4,5	A.503					
607	ĐH10MK9	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng									1,2,3,4,5	A.503					
608	ĐH10MK9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Mai Hạnh											2,3,4,5	A.505			
609	ĐH10MK9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Mai Hạnh											1,2,3,4,5	A.505			
610	ĐH10MK9	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang					2,3,4,5	A.503									
611	ĐH10MK9	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang					1,2,3,4,5	A.503									
612	ĐH10MK9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng	2,3,4,5	A.503													
613	ĐH10MK9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Thu Hằng	1,2,3,4,5	A.503													
614	ĐH10MK10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Việt Hà							1,2,3	CS1							
615	ĐH10MK10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng	7,8,9,10	A.503													
616	ĐH10MK10	Triết học Mác – Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng	6,7,8,9,10	A.503													
617	ĐH10MK10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung									6,7,8,9	A.503					
618	ĐH10MK10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung									6,7,8,9,10	A.503					
619	ĐH10MK10	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Trang							6,7,8,9	A.503							
620	ĐH10MK10	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Trang							6,7,8,9,10	A.503							
621	ĐH10MK10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh			6,7,8,9	A.503											
622	ĐH10MK10	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Trần Tuấn Anh			6,7,8,9,10	A.503											
623	ĐH10C1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến					8,9,10	CS1									
624	ĐH10C1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh					2,3,4,5	C.104									
625	ĐH10C1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Đỗ Minh Anh					1,2,3,4,5	C.104									
626	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thùy Linh							2,3,4,5	C.104							
627	ĐH10C1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Nguyễn Thùy Linh							1,2,3,4,5	C.104							
628	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn									2,3,4,5	C.104					
629	ĐH10C1	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									1,2,3,4,5	C.104					
630	ĐH10C1	Giải tích 1	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Thị Hương			2,3,4,5	C.409											
631	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân	2,3,4,5	C.104													
632	ĐH10C1	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 -03/01/2021	Phùng Thị Hồng Vân	1,2,3,4,5	C.104													
633	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			6,7,8	A.710											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
634	ĐH10C1	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			9,10	A.903											
635	ĐH10C2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm							1,2,3	CS1							
636	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh					7,8,9,10	C.104									
637	ĐH10C2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh					6,7,8,9,10	C.104									
638	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9	C.104							
639	ĐH10C2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Phú Cường							6,7,8,9,10	C.104							
640	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9	C.104					
641	ĐH10C2	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh									6,7,8,9,10	C.104					
642	ĐH10C2	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Văn Minh	4,5	A.303					4,5	C.104							
643	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang	6,7,8,9	C.104													
644	ĐH10C2	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang	6,7,8,9,10	C.104													
645	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	LT	22	11	19/10 - 03/01/2021	Lê Lan Anh			2,3	A.710											
646	ĐH10C2	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Lan Anh			4,5	A.710											
647	ĐH10C3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà									1,2,3	CS1					
648	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga									7,8,9,10	C.102					
649	ĐH10C3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Khuất Thị Nga									6,7,8,9,10	C.102					
650	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9	C.102													
651	ĐH10C3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly	6,7,8,9,10	C.102													
652	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9	C.102											
653	ĐH10C3	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền			6,7,8,9,10	C.102											
654	ĐH10C3	Giải tích 1	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền							2,3,4,5	A.1005B							
655	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang					6,7,8,9	C.102									
656	ĐH10C3	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang					6,7,8,9,10	C.102									
657	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			1,2,3	A.708											
658	ĐH10C3	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			4,5	A.708											
659	ĐH10C4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									8,9,10	CS1					
660	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung									2,3,4,5	C.102					
661	ĐH10C4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Thị Thùy Dung									1,2,3,4,5	C.102					
662	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa	2,3,4,5	C.102													
663	ĐH10C4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa	1,2,3,4,5	C.102													
664	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa			2,3,4,5	C.102											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
665	ĐH10C4	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Tài Hoa			1,2,3,4,5	C.102											
666	ĐH10C4	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trương Thị Hường	9,10	A.505	9,10	A.506											
667	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải					2,3,4,5	C.102									
668	ĐH10C4	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải					1,2,3,4,5	C.102									
669	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			6,7,8	A.702											
670	ĐH10C4	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý			9,10	A.702											
671	ĐH10C5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					8,9,10	CS1									
672	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu	2,3,4,5	C.301													
673	ĐH10C5	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	1,2,3,4,5	C.301													
674	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh			2,3,4,5	C.301											
675	ĐH10C5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh			1,2,3,4,5	C.301											
676	ĐH10C5+LĐH9T	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Kim Yến					2,3,4,5	C.301									
677	ĐH10C5+LĐH9T	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phùng Thị Kim Yến					1,2,3,4,5	C.301									
678	ĐH10C5	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Minh							9,10	A.510							
679	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Trần Chiến							2,3,4,5	C.301							
680	ĐH10C5	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Trần Chiến							1,2,3,4,5	C.301							
681	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									6,7,8	A.803					
682	ĐH10C5	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020	Phan Huy Anh Lê Phú Hưng									9,10	A.803					
683	ĐH10C6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm					1,2,3	CS1									
684	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu	7,8,9,10	C.301													
685	ĐH10C6	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu	6,7,8,9,10	C.301													
686	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9	C.301											
687	ĐH10C6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Hoa			6,7,8,9,10	C.301											
688	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9	C.301									
689	ĐH10C6	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9,10	C.301									
690	ĐH10C6	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn	4,5	A.508			4,5	C.304									
691	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9	C.301							
692	ĐH10C6	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu							6,7,8,9,10	C.301							
693	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 06/12/2020	Đặng Thị Khánh Linh									1,2,3	A.710					
694	ĐH10C6	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 06/12/2020	Đặng Thị Khánh Linh									4,5	A.710					
695	ĐH10C7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn	1,2,3	CS1													

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
696	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									7,8,9,10	C.304					
697	ĐH10C7	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh									6,7,8,9,10	C.304					
698	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Thị Thùy Linh	6,7,8,9	C.304													
699	ĐH10C7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đào Thị Thùy Linh	6,7,8,9,10	C.304													
700	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9	C.304							
701	ĐH10C7	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9,10	C.304							
702	ĐH10C7	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					6,7,8	C.304									
703	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9	C.304											
704	ĐH10C7	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Dương Thị Hoài Thu			6,7,8,9,10	C.304											
705	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							1,2,3	A.801							
706	ĐH10C7	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							4,5	A.801							
707	ĐH10C8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			8,9,10	CS1											
708	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh									2,3,4,5	C.304					
709	ĐH10C8	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đỗ Minh Anh									1,2,3,4,5	C.304					
710	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4	C.304													
711	ĐH10C8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang Đỗ Mai Quyên	1,2,3,4,5	C.304													
712	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương							2,3,4,5	C.304							
713	ĐH10C8	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Hương							1,2,3,4,5	C.304							
714	ĐH10C8	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn					1,2,3	C.304									
715	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			2,3,4,5	C.304											
716	ĐH10C8	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			1,2,3,4,5	C.304											
717	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							6,7,8	A.904							
718	ĐH10C8	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Trịnh Thị Lý							9,10	A.904							
719	ĐH10C9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	8,9,10	CS1													
720	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					2,3,4,5	C.308									
721	ĐH10C9	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					1,2,3,4,5	C.308									
722	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4	C.308							
723	ĐH10C9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Hưng Tâm							1,2,3,4,5	C.308							
724	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Ngọc Diệu									2,3,4,5	C.308					
725	ĐH10C9	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Mai Ngọc Diệu									1,2,3,4,5	C.308					
726	ĐH10C9	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Thị Hương							9,10	C.311	9,10	A.105					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
727	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Sỹ Hải			2,3,4,5	C.308											
728	ĐH10C9	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải			1,2,3,4,5	C.308											
729	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			6,7,8	A.910											
730	ĐH10C9	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Ngọc Khải			9,10	A.910											
731	ĐH10C10	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành					1,2,3	CS1									
732	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga					7,8,9,10	C.308									
733	ĐH10C10	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga					6,7,8,9,10	C.308									
734	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Trường Giang - Tống Hưng Tâm							6,7,8,9	C.308							
735	ĐH10C10	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Trường Giang - Tống Hưng Tâm							6,7,8,9,10	C.308							
736	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9	C.308					
737	ĐH10C10	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng									6,7,8,9,10	C.308					
738	ĐH10C10	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư					4,5	A.508	4,5	A.510							
739	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Trang			6,7,8,9	C.308											
740	ĐH10C10	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Trang			6,7,8,9,10	C.308											
741	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	LT	22	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân	1,2,3	A.801													
742	ĐH10C10	Tin học cơ sở	2	TH	16	8	19/10 - 13/12/2020	Vũ Văn Huân	4,5	A.801													
743	ĐH10QTDL1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									8,9,10	CS1					
744	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							2,3,4,5	A.508							
745	ĐH10QTDL1	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							1,2,3,4,5	A.508							
746	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									2,3,4,5	A.508					
747	ĐH10QTDL1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Đức Chính Trần Vũ Anh									1,2,3,4,5	A.508					
748	ĐH10QTDL1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan					1,2,3	A.508									
749	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh			2,3,4,5	A.508											
750	ĐH10QTDL1	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh			1,2,3,4,5	A.508											
751	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Tống Thị Thu Hòa											2,3,4,5	A.508			
752	ĐH10QTDL1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Tống Thị Thu Hòa											1,2,3,4,5	A.508			
753	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8	A.708									
754	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					9,10	A.708									
755	ĐH10QTDL1	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					6,7,8,9	A.708									
756	ĐH10QTDL2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy							1,2,3	CS1							
757	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Minh Anh							7,8,9,10	A.508							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
758	ĐH10QTDL2	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Minh Anh							6,7,8,9,10	A.508							
759	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9	A.508					
760	ĐH10QTDL2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế									6,7,8,9,10	A.508					
761	ĐH10QTDL2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường					6,7,8	A.508									
762	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9	A.508											
763	ĐH10QTDL2	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Xuân Hùng			6,7,8,9,10	A.508											
764	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc											6,7,8,9	A.508			
765	ĐH10QTDL2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc											6,7,8,9,10	A.508			
766	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					1,2,3	A.708									
767	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà					4,5	A.708									
768	ĐH10QTDL2	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà					2,3,4,5	A.708									
769	ĐH10QTDL3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Kiên Cường					1,2,3	CS1									
770	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									7,8,9,10	A.510					
771	ĐH10QTDL3	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									6,7,8,9,10	A.510					
772	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền	6,7,8,9	A.510													
773	ĐH10QTDL3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền	6,7,8,9,10	A.510													
774	ĐH10QTDL3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							
775	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Linh					6,7,8,9	A.510									
776	ĐH10QTDL3	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Ngọc Linh					6,7,8,9,10	A.510									
777	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thu Hằng											6,7,8,9	A.505			
778	ĐH10QTDL3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Thu Hằng											6,7,8,9,10	A.505			
779	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.910							
780	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4,5	A.910							
781	ĐH10QTDL3	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.910							
782	ĐH10QTDL4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến									8,9,10	CS1					
783	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu									2,3,4,5	A.510					
784	ĐH10QTDL4	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu									1,2,3,4,5	A.510					
785	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà	2,3,4,5	A.510													
786	ĐH10QTDL4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà	1,2,3,4,5	A.510													
787	ĐH10QTDL4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Thùy Dung							1,2,3	A.510							
788	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh					2,3,4,5	A.510									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
789	ĐH10QTDL4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh					1,2,3,4,5	A.510									
790	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Cao Thị Bích Ngọc											2,3,4,5	A.510			
791	ĐH10QTDL4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Cao Thị Bích Ngọc											1,2,3,4,5	A.510			
792	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8	A.910							
793	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							9,10	A.910							
794	ĐH10QTDL4	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8,9	A.910							
795	ĐH10QTDL5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			1,2,3	CS1											
796	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	7,8,9,10	A.105													
797	ĐH10QTDL5	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	6,7,8,9,10	A.105													
798	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Thị Hà			6,7,8,9	A.105											
799	ĐH10QTDL5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Thị Hà			6,7,8,9,10	A.105											
800	ĐH10QTDL5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan									6,7,8	A.105					
801	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9	A.105							
802	ĐH10QTDL5	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư							6,7,8,9,10	A.105							
803	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh											6,7,8,9	A.510			
804	ĐH10QTDL5	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh											6,7,8,9,10	A.510			
805	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									1,2,3	A.801					
806	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									4,5	A.801					
807	ĐH10QTDL5	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									2,3,4,5	A.801					
808	ĐH10QTDL6	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thi Nhàn	8,9,10	CS1													
809	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Khuất Thị Nga	2,3,4,5	A.105													
810	ĐH10QTDL6	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Khuất Thị Nga	1,2,3,4,5	A.105													
811	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thùy Linh			1,2,3,4	A.105											
812	ĐH10QTDL6	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thùy Linh			1,2,3,4,5	A.105											
813	ĐH10QTDL6	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích									1,2,3	A.105					
814	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn							2,3,4,5	A.105							
815	ĐH10QTDL6	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đàm Thanh Tuấn							1,2,3,4,5	A.105							
816	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Đình Trình											2,3,4,5	A.506			
817	ĐH10QTDL6	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Đình Trình											1,2,3,4,5	A.506			
818	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8	A.802					
819	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									9,10	A.802					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
820	ĐH10QTDL6	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền									6,7,8,9	A.802					
821	ĐH10QTDL7	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Thành			1,2,3	CS1											
822	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			7,8,9,10	A.110											
823	ĐH10QTDL7	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			6,7,8,9,10	A.110											
824	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9	A.110									
825	ĐH10QTDL7	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly					6,7,8,9,10	A.110									
826	ĐH10QTDL7	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Hường	6,7,8	A.110													
827	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan									6,7,8,9	A.110					
828	ĐH10QTDL7	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đặng Thị Ngoan									6,7,8,9,10	A.110					
829	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Tuấn Anh											6,7,8,9	A.506			
830	ĐH10QTDL7	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Trần Tuấn Anh											6,7,8,9,10	A.506			
831	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	1,2,3	A.701													
832	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	4,5	A.701													
833	ĐH10QTDL7	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	2,3,4,5	A.701													
834	ĐH10QTDL8	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			8,9,10	CS1											
835	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu			2,3,4,5	A.110											
836	ĐH10QTDL8	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu			1,2,3,4,5	A.110											
837	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Tuyết Nhung					2,3,4,5	A.110									
838	ĐH10QTDL8	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Hoàng Thị Tuyết Nhung					1,2,3,4,5	A.110									
839	ĐH10QTDL8	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan	1,2,3	A.110													
840	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Tài Hoa									2,3,4,5	A.110					
841	ĐH10QTDL8	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Nguyễn Tài Hoa									1,2,3,4,5	A.110					
842	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh											2,3,4,5	A.601			
843	ĐH10QTDL8	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh											1,2,3,4,5	A.601			
844	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8	A.701													
845	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	9,10	A.701													
846	ĐH10QTDL8	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Hiền	6,7,8,9	A.701													
847	ĐH10QTDL9	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến	1,2,3	CS1													
848	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					7,8,9,10	A.105									
849	ĐH10QTDL9	Triết học Mác Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Na Lê Thanh Thuỷ					6,7,8,9,10	A.105									
850	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9	A.203							

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
851	ĐH10QTDL9	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly							6,7,8,9,10	A.203							
852	ĐH10QTDL9	Pháp luật đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Trần Lệ Thu			6,7,8,9	A.608											
853	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Xuân Hùng	2,3,4,5	A.508													
854	ĐH10QTDL9	Toán cao cấp	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Lê Xuân Hùng	1,2,3,4,5	A.508													
855	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thi Hoàng Yến											6,7,8,9	A.601			
856	ĐH10QTDL9	Kinh tế vi mô	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Vũ Thi Hoàng Yến											6,7,8,9,10	A.601			
857	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					1,2,3	A.702									
858	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Vũ Ngọc Phan					4,5	A.702									
859	ĐH10QTDL9	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Vũ Ngọc Phan					2,3,4,5	A.702									
860	ĐH10QĐ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà			8,9,10	CS1											
861	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							2,3,4,5	A.201							
862	ĐH10QĐ1	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							1,2,3,4,5	A.201							
863	ĐH10QĐ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám			1,2,3	A.201											
864	ĐH10QĐ1	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	1,2,3	A.201													
865	ĐH10QĐ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào	4,5	A.201	4,5	A.201											
866	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến									1,2,3	A.201					
867	ĐH10QĐ1	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	1,2,3	A.201	1,2,3	A.201											
868	ĐH10QĐ1	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang					1,2,3	A.201									
869	ĐH10QĐ1	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Nguyễn Thị Ánh Tuyết					4,5	A.201			4,5	A.201					
870	ĐH10QĐ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn			1,2,3	CS1											
871	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy							7,8,9,10	A.201							
872	ĐH10QĐ2	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Ngô Quang Duy							6,7,8,9,10	A.201							
873	ĐH10QĐ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Bích			6,7,8	A.201											
874	ĐH10QĐ2+LĐH6	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Ngọc Hồng	6,7,8	A.201													
875	ĐH10QĐ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Xuân Hào	9,10	A.201	9,10	A.201											
876	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									6,7,8	A.201					
877	ĐH10QĐ2	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
878	ĐH10QĐ2	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Bích Ngọc					6,7,8	A.201									
879	ĐH10QĐ2	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Trần Thị Hường					9,10	A.201			9,10	A.201					
880	ĐH10QĐ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Yến			1,2,3	CS1											
881	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									7,8,9,10	A.202					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
882	ĐH10QĐ3	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									6,7,8,9,10	A.202					
883	ĐH10QĐ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					6,7,8	A.202									
884	ĐH10QĐ3	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đào Văn Khánh			6,7,8	A.202											
885	ĐH10QĐ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trần Thị Thùy Linh			9,10	A.202	9,10	A.202									
886	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	6,7,8	A.202													
887	ĐH10QĐ3	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Anh			6,7,8	A.202	6,7,8	A.202									
888	ĐH10QĐ3	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							6,7,8	A.202							
889	ĐH10QĐ3	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Ngọc Anh	9,10	A.202					9,10	A.202							
890	ĐH10QĐ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thu Hà					8,9,10	CS1									
891	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Ngô Quang Duy									2,3,4,5	A.202					
892	ĐH10QĐ4	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Ngô Quang Duy									1,2,3,4,5	A.202					
893	ĐH10QĐ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng					1,2,3	A.202									
894	ĐH10QĐ4	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Trọng Trường Sơn			1,2,3	A.202											
895	ĐH10QĐ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Phú Cường			4,5	A.202	4,5	A.202									
896	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư	1,2,3	A.202													
897	ĐH10QĐ4	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Thị Huyền Thư			1,2,3	A.202	1,2,3	A.202									
898	ĐH10QĐ4	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Hoài Thương							1,2,3	A.202							
899	ĐH10QĐ4	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Bùi Thị Nha Trang	4,5	A.202					4,5	A.202							
900	ĐH10QĐ5	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thanh Tùng			1,2,3	CS1											
901	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng	7,8,9,10	A.203													
902	ĐH10QĐ5	Triết học Mác-Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng	6,7,8,9,10	A.203													
903	ĐH10QĐ5	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Nguyễn Thị Tâm Đan							1,2,3	A.110							
904	ĐH10QĐ5	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Kim Dung					1,2,3	A.203									
905	ĐH10QĐ5	Tiếng Anh 1	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đào Thị Thùy Linh					9,10	A.203	4,5	A.110							
906	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 03/01/2021	Trương Thị Hường			6,7,8	A.203											
907	ĐH10QĐ5	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Trương Thị Hường					6,7,8	A.203	6,7,8	A.110							
908	ĐH10QĐ5	Quản lý tài nguyên môi trường	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Thu Trang									6,7,8	A.203					
909	ĐH10QĐ5	Hóa học đại cương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Bùi Thị Nha Trang			9,10	A.908					9,10	A.203					
910	ĐH10LQ1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy					8,9,10	CS1									
911	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					2,3,4,5	A.505									
912	ĐH10LQ1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					1,2,3,4,5	A.505									

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
913	ĐH10LQ1	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tám							1,2,3	A.505							
914	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			2,3,4,5	A.505											
915	ĐH10LQ1	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			1,2,3,4,5	A.505											
916	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Văn Minh	1,2,3	A.505													
917	ĐH10LQ1	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Nguyễn Văn Minh							1,2,3	A.505	1,2,3	A.505					
918	ĐH10LQ1	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh							4,5	A.505	4,5	A.505					
919	ĐH10LQ1	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									1,2,3	A.505					
920	ĐH10LQ2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Vũ Thị Nhàn									1,2,3	CS1					
921	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu					7,8,9,10	A.505									
922	ĐH10LQ2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu					6,7,8,9,10	A.505									
923	ĐH10LQ2	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Hồng							6,7,8	A.505							
924	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền			6,7,8,9	A.505											
925	ĐH10LQ2	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền			6,7,8,9,10	A.505											
926	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Trương Thị Hường	6,7,8	A.505													
927	ĐH10LQ2	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Trương Thị Hường							6,7,8	A.505	6,7,8	A.505					
928	ĐH10LQ2	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Đỗ Thị Dinh Đinh Mai Thanh							9,10	A.505	9,10	A.505					
929	ĐH10LQ2	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hoàng Thị Mai									6,7,8	A.505					
930	ĐH10LQ3	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy									1,2,3	CS1					
931	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Thùy Dung							7,8,9,10	A.506							
932	ĐH10LQ3	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Lê Thị Thùy Dung							6,7,8,9,10	A.506							
933	ĐH10LQ3	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Ngọc Thúy									6,7,8	A.506					
934	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh					6,7,8,9	A.506									
935	ĐH10LQ3	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Đức Chính - Trần Vũ Anh					6,7,8,9,10	A.506									
936	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến			6,7,8	A.506											
937	ĐH10LQ3	Toán cao cấp	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Phùng Thị Kim Yến	6,7,8	A.506							6,7,8	A.506					
938	ĐH10LQ3	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Nguyễn Gia Thọ Đinh Mai Thanh	9,10	A.506							9,10	A.506					
939	ĐH10LQ3	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Hà Quỳnh Mai	6,7,8	A.506													
940	ĐH10LQ4	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Văn Tiến	8,9,10	CS1													
941	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	GV thỉnh giảng							2,3,4,5	A.506							
942	ĐH10LQ4	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	GV thỉnh giảng							1,2,3,4,5	A.506							
943	ĐH10LQ4	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Quang Phương									1,2,3	A.506					

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
944	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Thị Hồng Quế					2,3,4,5	A.506									
945	ĐH10LQ4	Tiếng Anh 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Phạm Thị Hồng Quế					1,2,3,4,5	A.506									
946	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh			2,3,4,5	A.506											
947	ĐH10LQ4	Toán cao cấp	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh			1,2,3,4,5	A.506											
948	ĐH10LQ4	Kinh tế vi mô	3	LT	45	12	19/10 - 10/01/2021	Vũ Quang Hải	4,5	A.506							4,5	A.506					
949	ĐH10LQ4	Quản trị học	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Phạm Văn Hoàng	1,2,3	A.506													
950	ĐH10NA1	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	8,9,10	CS1													
951	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							2,3,4,5	A.504							
952	ĐH10NA1	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							1,2,3,4,5	A.504							
953	ĐH10NA1	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2029	Ngô Thị Hà					1,2,3	A.504									
954	ĐH10NA1	Tiếng Pháp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Mai Trang									2,3,4,5	A.504					
955	ĐH10NA1	Tiếng Pháp 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đinh Mai Trang									1,2,3,4,5	A.504					
956	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9	C.309											
957	ĐH10NA1	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên			6,7,8,9,10	C.309											
958	ĐH10NA1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Mai Thị Hiền	2,3,4,5	A.504													
959	ĐH10NA1	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Mai Thị Hiền	1,2,3,4,5	A.504													
960	ĐH10NA1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đỗ Mai Quyên			1, 2,3,4	A.504											
961	ĐH10NA1	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đỗ Mai Quyên			1,2,3,4,5	A.504											
962	ĐH10NA2	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Hồng Thắm	1,2,3	CS1													
963	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Phương Thu							7,8,9,10	A.504							
964	ĐH10NA2	Triết học Mác - Lênin	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Phương Thu							6,7,8,9,10	A.504							
965	ĐH10NA2	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Thị Thùy Linh	6,7,8	A.504													
966	ĐH10NA2	Tiếng Pháp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Mai Trang									6,7,8,9	A.504					
967	ĐH10NA2	Tiếng Pháp 1	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đinh Mai Trang									6,7,8,9,10	A.504					
968	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Chiên	9,10	A.504			4,5	A.504									
969	ĐH10NA2	Tiếng Việt thực hành	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Thị Chiên	6,7,8,9,10	A.504													
970	ĐH10NA2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9	A.504									
971	ĐH10NA2	Đọc - Viết 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Bùi Thị Oanh					6,7,8,9,10	A.504									
972	ĐH10NA2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9	A.504											
973	ĐH10NA2	Nghe - Nói 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đinh Thị Hoài Ly			6,7,8,9,10	A.504											
974	ĐH10BK	Giáo dục thể chất 1 - Thể dục	1	TH	30	10	19/10 - 27/12/2020	Giáp Thanh Thủy	1,2,3	CS1													Ghép ĐH10QTKS2

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	Ghi chú
975	ĐH10BK	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	09/11 - 17/01/2021	Bùi Thị Thu Hường							1,2,3	A.208							Ghép ĐH10KE3
976	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	11	19/10 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									6,7,8	A.201					Ghép ĐH10QĐ2
977	ĐH10BK	Toán cao cấp 1	3	LT	45	2	28/12 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn	6,7,8	A.201	6,7,8	A.201											
978	ĐH10BK	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									Ghép ĐH10M2
979	ĐH10BK	Logic học đại cương	2	LT	30	8	19/10 - 13/12/2020	Lê Xuân Tú	4,5	A.204			9,10	A.204									Ghép ĐH10LA1
980	ĐH10BK	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu									2,3,4,5	A.203					Ghép ĐH10ĐA1
981	ĐH10BK	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Dương Thị Hoài Thu									1,2,3,4,5	A.203					
982	ĐH10T	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Liên	6,7,8	A.310													Ghép ĐH10QTKD8
983	ĐH10T	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân	2,3,4,5	C.104													Ghép ĐH10C1
984	ĐH10T	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Phùng Thị Hồng Vân	1,2,3,4,5	C.104													
985	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9	C.301									Ghép ĐH10C6
986	ĐH10T	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9,10	C.301									
987	ĐH10T	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							1,2,3	A.910							ĐH10QTDL3
988	ĐH10T	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							4,5	A.910							ĐH10QTDL3
989	ĐH10T	Tin học đại cương		TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							2,3,4,5	A.910							ĐH10QTDL3
990	ĐH10T	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Lê Thị Hương							9,10	C.311	9,10	A.105					Ghép ĐH10C6
991	ĐH10K	Pháp luật đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Trần Lệ Thu							6,7,8	A.510							Ghép ĐH10QTDL3
992	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đàm Thanh Tuấn									2,3,4,5	C.104					Ghép ĐH10C1
993	ĐH10K	Đại số	3	LT	45	1	04/01 - 10/01/2021	Đàm Thanh Tuấn									1,2,3,4,5	C.104					
994	ĐH10K	Vật lý đại cương	3	LT	45	11	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9	C.302					Ghép ĐH10M2
995	ĐH10K	Vật lý đại cương	3	LT	45	2	25/01 - 31/01/2021	Nguyễn Sỹ Hải									6,7,8,9,10	C.302					
996	ĐH10K	Thiên văn	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Lê Việt Hùng	2,3,4,5	C.306													
997	ĐH10K	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					6,7,8	C.304									Ghép ĐH10C7
998	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.203													Ghép ĐH10ĐA1
999	ĐH10TNN	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.203													
1000	ĐH10TNN	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đặng Trần Chiến									2,3,4,5	A.501					Ghép ĐH10M1
1001	ĐH10TNN	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Trần Chiến									1,2,3,4,5	A.501					
1002	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							1,2,3	A.710							Ghép ĐH10QTKS3
1003	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							4,5	A.710							
1004	ĐH10TNN	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.710							
1005	ĐH10TNN	Trắc địa đại cương	2	LT	30	10	02/11 - 10/01/2021	Nguyễn Xuân Thuỷ			6,7,8	C.306											

STT	Lớp	Tên học phần	Số TC	Kiểu học	Số tiết	Số tuần	Thời gian	Giảng viên giảng dạy	Thứ trong tuần														Ghi chú
									Hai	Phòng	Ba	Phòng	Tư	Phòng	Năm	Phòng	Sáu	Phòng	Bẩy	Phòng	Chủ nhật	Phòng	
1006	ĐH10QB	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lý			6,7,8	A.306											Ghép ĐH10QTKD3
1007	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	2,3,4,5	A.203													Ghép ĐH10ĐA1
1008	ĐH10QB	Toán cao cấp 1	3	LT	45	1	21/12 - 27/12/2020	Nguyễn Anh	1,2,3,4,5	A.203													
1009	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							1,2,3	A.710							Ghép ĐH10QTKS3
1010	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							4,5	A.710							
1011	ĐH10QB	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy							2,3,4,5	A.710							
1012	ĐH10QB	Hóa học đại cương	2	LT	30	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Vũ Thị Thu Hà					6,7,8	A.308									Ghép ĐH10M2
1013	ĐH10QB	Cơ sở địa lý biển và đại dương	2	LT	30	8	16/11 - 10/01/2021	Vũ Văn Lân									6,7,8,9	C.306					
1014	ĐH10KĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Ngô Thị Mến Thương	1,2,3	A.305													Ghép ĐH10QTKD2
1015	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9	C.304							Ghép ĐH10C7
1016	ĐH10KĐ	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan							6,7,8,9,10	C.304							
1017	ĐH10KĐ	Giải tích 1	2	LT	30	10	19/10 - 27/12/2020	Đoàn Thị Thanh Huyền					6,7,8	C.304									Ghép ĐH10C7
1018	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									1,2,3	A.701					Ghép ĐH10QTKS1
1019	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	LT	18	7	19/10 - 06/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									4,5	A.701					
1020	ĐH10KĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Phạm Thị Thanh Thủy									2,3,4,5	A.701					
1021	ĐH10TĐ	Kỹ năng mềm	2	LT	30	10	19/10 - 15/11/2020 14/12 - 24/01/2021	Nguyễn Thị Lan			6,7,8	A.305											Ghép ĐH10QTKD1
1022	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	10	19/10 - 27/12/2020	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9	C.301									Ghép ĐH10C6
1023	ĐH10TĐ	Đại số	3	LT	45	1	28/12 - 03/01/2021	Đặng Thị Ngoan					6,7,8,9,10	C.301									
1024	ĐH10TĐ	Giải tích 1	2	LT	30	8	19/10 - 27/12/2020	Nguyễn Thị Huyền							2,3,4,5	A.1005B							Ghép ĐH10C3
1025	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	LT	21	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8	A.910							Ghép ĐH10QTDL4
1026	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	7	19/10 - 06/12/2020	Lê Thị Thu Hà							9,10	A.910							
1027	ĐH10TĐ	Tin học đại cương	2	TH	18	1	07/12 - 13/12/2020	Lê Thị Thu Hà							6,7,8,9	A.910							
1028	ĐH10TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	10	19/10 - 13/12/2020 11/01 - 24/01/2021	Đặng Trần Chiến									2,3,4,5	A.501					Ghép ĐH10M1
1029	ĐH10TĐ	Vật lý đại cương	3	LT	45	1	25/01 - 31/01/2021	Đặng Trần Chiến									1,2,3,4,5	A.501					

Nơi nhận:
- Trường các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công khai trên website;
- Lưu: VT, ĐT.VH (2).

HIỆU TRƯỞNG

Hoàng Anh Huy